TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2020/DS-ST
Ngày 16 – 6 – 2020
V/v tranh chấp hợp đồng vay

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu.
Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Hoàng Kha.
- Ông Võ Thanh Liêm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Như – Là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 16 tháng 6 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 165/2020/TLST-DS ngày 07 tháng 5 năm 2020 về việc tranh chấp hợp đồng vay, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 341/2020/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Kim Y, sinh năm: 1951 (có mặt).
Địa chỉ: đường P, khóm B, phường N, thành phố C, tỉnh Cà Mau.
- Bị đơn: Bà Trần Mỹ D, sinh năm 1976 (có mặt).
Địa chỉ: đường Q, khóm B, phường N, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị Kim Y trình bày:

Ngày 02/5/2012 (dương lịch) bà Trần Mỹ D có vay của bà tổng số tiền vốn 36.000.000đ, lãi suất thỏa thuận 2%/tháng, hai bên có làm giấy nhận nợ. Giữa bà và bà D thỏa thuận thời hạn trả là 06 tháng. Từ năm 2013 đến năm 2019 bà D đã thanh toán tiền lãi cho bà được 7.000.000đ, từ đầu năm 2020 đến nay bà D ngưng trả lãi. Nay bà yêu cầu bà Trần Mỹ D thanh toán cho bà tiền vốn 36.000.000đ, tiền lãi là 96 tháng bằng 54.278.680đ (lãi tính từ ngày 02/5/2012dl đến ngày 02/5/2020dl). Tổng nợ gốc và lãi bà yêu cầu bà D thanh toán là 90.278.680đ, đối trừ tiền lãi bà D đã trả 7.000.000đ, còn lại bà yêu cầu bà D hoàn trả tiếp số tiền 83.278.680đ.

- Tại bản tự khai, biên bản hòa giải, bà Trần Mỹ D trình bày: Năm 2012 bà Y có đến gặp bà nói rằng có 01 chưng hụi (bà không biết tên cụ thể của người chơi hụi) rất lời nên đề nghị chầu hụi lại cho bà. Sau một thời gian nhận chưng hụi trên thì bà bị bể hụi. Bà và bà Y thống nhất bà còn nợ lại bà Y số tiền 36.000.000đ vào

ngày 02/5/2012 (dương lịch) và có viết biên nhận. Từ năm 2013 đến năm 2019 bà đã trả cho bà Y nhiều lần với tổng số tiền vốn là 7.000.000đ. Nay bà thừa nhận và đồng ý trả tiếp cho bà Y số tiền vốn 29.000.000đ và xin trả mỗi tháng 500.000đ. Đối với tiền lãi bà không đồng ý trả do gia đình khó khăn, không còn khả năng thanh toán.

Bà thừa nhận chữ viết và chữ ký trong giấy nhận tiền ngày 02/5/2012dl chính là chữ ký và chữ viết của bà nên không yêu cầu giám định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật: Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hợp đồng vay nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về nội dung vụ án: Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu bị đơn có trách nhiệm hoàn trả tổng số tiền vay còn nợ vốn và lãi là 83.278.680đ. Bị đơn thừa nhận còn nợ 29.000.000đ do trước đó có trả nhiều lần với số tiền vốn là 7.000.000đ, tiền lãi bà không đồng ý trả do không còn khả năng thanh toán.

Xét thấy, nguyên và bị đơn thống nhất số tiền nhận ban đầu theo biên nhận là 36.000.000đ, mặc dù về nguồn gốc của khoản tiền nhận các bên khai khác nhau. Vấn đề các đương sự tranh chấp là số tiền 7.000.000đ trả sau khi vay từ năm 2012 đến năm 2019, nguyên đơn xác định trả lãi, bị đơn xác định trả vốn và các bên có thỏa thuận trả lãi suất hay không. Về lời khai có sự mâu thuẫn nhau, các đương sự không có chứng cứ, tài liệu thể hiện trả vốn hay trả lãi, xét giấy mượn tiền có ghi thời hạn hoàn trả, bị đơn đã vi phạm thời gian trả nợ. Vì vậy có cơ sở chấp nhận số tiền bị đơn đã trả sau khi vay 7.000.000đ là tiền lãi nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn kiện đòi bị đơn số tiền vốn 36.000.000đ.

[3] Về lãi suất: Nguyên đơn yêu cầu mức lãi suất 1,66%/tháng, thời gian tính từ ngày vay (ngày 02/5/2012dl) đến ngày 02/5/2020dl, từ ngày 02/5/2020dl đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 16/6/2020) bà không yêu cầu tính lãi, cụ thể: Tiền lãi bà yêu cầu 54.278.680đ. Bị đơn xác định do không còn khả năng trả nợ nên xin không trả lãi, nguyên đơn không đồng ý. Xét thấy: Khi vay bị đơn có viết biên nhận nợ và hẹn 6 tháng trả, thực tế bị đơn không thực hiện theo đúng cam kết, số tiền bị đơn chiếm dụng thời gian khá dài nên có ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn, vì vậy nguyên đơn yêu cầu trả tiền lãi là có cơ sở chấp nhận. Tuy nhiên, việc nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày 02/5/2012dl là chưa phù hợp, bởi sau 6 tháng bà D không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như cam kết thì bà D phải chịu lãi suất kể từ thời điểm vi phạm nghĩa vụ đối với bà Y, cụ thể thời gian được chấp nhận tính lãi từ ngày 02/11/2012 dl đến ngày 02/5/2020 dl là 90 tháng:

36.000.000đ x 1,66%/tháng x 90 tháng = 53.784.000đ.

Đối trừ tiền lãi đã trả: 53.784.000đ – 7.000.000đ = 46.784.000đ.

Cộng vốn và lãi: 36.000.000đ + 46.784.000đ = 82.784.000đ buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền này là phù hợp.

So với yêu cầu của nguyên đơn kiện đòi bị đơn số tiền chênh lệch không được chấp nhận là: 83.278.680đ – 82.784.000đ = 494.680đ.

[4] Đối với khoản thời gian từ ngày 02/5/2020 dl đến ngày 16/6/2020 dl nguyên đơn không yêu cầu tính lãi, xét đây là quyền tự định đoạt của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Do chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên nguyên đơn và bị đơn phải chịu án phí theo quy định. Tuy nhiên, do nguyên đơn là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn nộp án phí nên nguyên đơn không phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự; các Điều 12, 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Trần Mỹ D thanh toán cho bà Trần Thị Kim Y số tiền 82.784.000đ (Tám mươi hai triệu bảy trăm tám mươi bốn ngàn đồng).

Kể từ ngày bà Trần Thị Kim Y có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Trần Mỹ D không thi hành xong khoản tiền trên, thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

- Không chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn kiện đòi bị đơn hoàn trả số tiền chênh lệch 494.680đ (Bốn trăm chín mươi bốn ngàn sáu trăm tám mươi đồng).

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

+ Bà Trần Thị Kim Y không phải chịu án phí, đã được miễn dự nộp nên không đặt ra giải quyết.

+ Bà Trần Mỹ D phải chịu 4.139.200đ (Chưa nộp).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)
Lê Thị Thu